TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 11/01/2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thuý;
Các thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương;
Ông Phạm Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Thúy Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 49/2018/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 59/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 497/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1965. *(có mặt)*
Địa chỉ: 87 A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Cẩm L, sinh năm: 1965. *(có mặt)*
Địa chỉ: 87 A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Cẩm L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung án sơ thẩm,
Nguyên đơn - ông Phạm Văn M trình bày:

Ông và bà L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 1993 tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Năm 2008, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, cách cư xử. Năm 2009 hai vợ chồng có cùng ký đơn ly hôn nhưng do thấy con còn nhỏ nên ông không nộp đơn. Nhưng sau này mỗi lần đi làm ăn, bà L

ghen tuông khi ông tiếp xúc với người phụ nữ khác, bà L hay ghen với những người đối tác làm ăn và cả những phụ nữ làm việc chung cơ quan ông. Do bà L hay ghen tuông vô cớ làm ảnh hưởng đến uy tín của ông, nên ông không còn tình cảm với bà L, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn. Sau khi ly hôn ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho ông.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà L có một con chung đã trưởng thành tên Phạm Huỳnh Minh T sinh 1993.

Về nợ chung: Ngày 11/4/2016 vợ chồng ông có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thành phố B 200.000.000 đồng. Do Ngân hàng không có yêu cầu trả trong vụ kiên ly hôn, ông không có ý kiến. Ông đã tự cam kết với Ngân hàng số tiền này ông sẽ chịu trách nhiệm trả.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông M về quá trình kết hôn, về con chung, nợ chung. Việc bà có hành động ghen tuông là do ông M từ lúc làm giám đốc đã có nhiều mối quan hệ với nhiều người phụ nữ khác. Bà thừa nhận vào năm 2009, ông M và bà có làm đơn cùng ký đơn ly hôn nhưng ông M không nộp đơn này vào Toà án. Sau sự việc năm 2009 vợ chồng chung sống bình thường. Năm 2016, bà có nghe nói ông M tài trợ cho trường mẫu giáo xã H, có nguồn tin ông M đang quan hệ tình cảm với một giáo viên trường mẫu giáo xã. Nguồn tin này là do những người ở gần khu vực của giáo viên này nói ông M thường đến nhà giáo viên này. Do ông M có mối quan hệ bất chính nên bà mới đánh giáo viên này. Trước đây, bà L cho rằng đối với yêu cầu ly hôn của ông M bà không đồng ý vì bà muốn gìn giữ gia đình để khi cháu ngoại của bà ra đời có đủ ông bà ngoại cùng chăm lo cho cháu, đồng thời bà xác định bà vẫn còn thương ông M.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L thừa nhận bà và ông M hiện tại không còn hạnh phúc. Bà L khẳng định đồng ý thuận tình ly hôn với ông M với điều kiện ông M đồng ý hỗ trợ cho bà 1.000.080.000 đồng xem như tiền công bà làm vợ chăm sóc ông M trong 30 năm chung sống. Nếu ông M không hỗ trợ số tiền này thì bà không đồng ý ly hôn.

Trường hợp nếu Tòa buộc ly hôn bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng cho bà.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà có tranh chấp bà sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Ngân hàng không có yêu cầu, bà không có ý kiến.

Theo đơn không yêu cầu Tòa giải quyết đề ngày 18/7/2018, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh thành phố B là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngân hàng có giải quyết cho vợ chồng ông Phạm Văn M và bà Huỳnh Thị Cẩm L vay số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7101/2016/073/PK/HĐTD ngày 11/4/2016, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả 07/12/2020. Dư nợ đến ngày 18/7/2018 số tiền 160.300.000 đồng và lãi phát sinh. Nay Ngân hàng không yêu cầu

Tòa án giải quyết phần nợ chung của ông M và bà L trong cùng vụ án ly hôn. Nếu sau này có yêu cầu Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 59/2018/HNGĐ-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn M đối với bà Huỳnh Thị Cẩm L.

Về hôn nhân: ông Phạm Văn M được ly hôn với bà Huỳnh Thị Cẩm L.

Về con chung: đã trưởng thành, Tòa án không xem xét.

Ghi nhận ông M và bà L không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: ông M và bà L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông M về việc tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng đối với căn nhà và đất thuộc thửa 154 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Về nợ chung: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ chung của ông M và bà L còn nợ Ngân hàng trong cùng vụ án ly hôn này,Tòa án không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2018, bà Huỳnh Thị Cẩm L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Huỳnh Thị Cẩm L vẫn giữ quan điểm kháng cáo là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, để Toà án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại việc ly hôn và chia tài sản chung theo đúng quy định của pháp luật. Bà L cho rằng trong quá trình hoà giải tại Toà án, bà có yêu cầu Toà án nhân dân huyện Châu Thành tiến hành xác minh để chia tài sản chung nhưng Toà án không thực hiện. Ông M rút yêu cầu chia tài sản chung thì Toà án cũng không thông báo cho bà biết. Do đó, bản án ghi tài sản chung tự thoả thuận là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Phạm Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Toà án xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị bác kháng cáo của bà L, giữ y án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Cẩm L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 thụ lý, xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Văn M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Cẩm L. Bà Huỳnh Thị Cẩm L đồng ý ly hôn với ông Phạm Văn M với điều kiện ông M phải hỗ trợ cho bà số tiền 1.000.080.000 đồng xem như tiền công bà làm vợ chăm sóc ông M trong 30 năm chung sống. Về con chung: có 01 con chung, đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Ông M, bà L không tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Cẩm L, Hội đồng xét xử nhận định: Ông Phạm Văn M, bà Huỳnh Thị Cẩm L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu, ông, bà chung sống hạnh phúc. Năm 2009, ông M, bà L phát sinh mâu thuẫn. Ông M, bà L đều thừa nhận có làm văn bản thuận tình ly hôn nhưng không nộp đơn đến Tòa án. Thời gian sau, tình cảm vợ, chồng giữa ông M, bà L có hàn gắn, đoàn tụ. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì ông, bà lại phát sinh mâu thuẫn. Ông M đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà L tại Tòa án. Ông M cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà L hay ghen tuông vô cớ và làm ảnh hưởng đến công việc của ông. Bà L cho rằng vì ông M có người phụ nữ khác nên bà mới ghen tuông. Bà L thừa nhận có hành vi không đúng chuẩn mực gây ảnh hưởng đến công việc của ông M. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ, chồng dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau cùng nhau xây dựng đời sống hôn nhân có văn hóa, bình đẳng, tiến bộ. Tuy nhiên, ông Phạm Văn M, bà Huỳnh Thị Cẩm L không đảm bảo được điều này. Mâu thuẫn giữa ông M, bà L kéo dài từ năm 2009. Ông M, bà L không có ý định hàn gắn tình cảm vợ, chồng.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn M, tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Cẩm L tự thừa nhận không còn tình cảm vợ, chồng đối với ông Phạm Văn M. Tuy nhiên, bà yêu cầu ông Phạm Văn M phải hỗ trợ cho bà số tiền 1.000.080.000 đồng thì bà mới đồng ý ly hôn với ông M. Xét thấy, trong quá trinh chung sống, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn các bên cần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ, chồng. Tuy nhiên, bà L lại đưa ra điều kiện để ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông M, bà L đã trầm trọng không thể hàn gắn. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho ông M, bà L được ly hôn là có căn cứ. Tại toà, bà L yêu cầu ông M phải hỗ trợ số tiền 1.000.080.000 đồng nhưng không được ông M đồng ý. Xét yêu cầu của bà L không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về con chung: Ông Phạm Văn M, bà Huỳnh Thị Cẩm L có 01 con chung là cháu Phạm Huỳnh Minh T, sinh ngày 12/4/1993 hiện đã trưởng thành.

[6] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, ông M, bà L có tạo lập được khối tài sản chung là phần đất có diện tích 189,2m^2 thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre và 01 căn nhà gắn liền với đất. Trong quá trình giải quyết vụ án ông M có yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Bà L cũng không có ý kiến hoặc yêu cầu chia tài sản chung. Tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông M, bà L thống nhất tự thỏa thuận về phần chia tài sản chung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu này của ông M là có cơ sở. Trường hợp, ông M, bà L không thể thỏa thuận được việc chia tài sản chung thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác

[7] Về nợ chung: Ông M, bà L thừa nhận có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - chi nhánh thành phố B số tiền 200.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2018, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ gốc còn thiếu và nếu sau này có yêu cầu thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở.

[8] Bà Huỳnh Thị Cẩm L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh yêu cầu của mình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Cẩm L. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Cẩm L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Cẩm L.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 59/2018/HNGĐ-ST ngày 25/9/2018 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn M đối với bà Huỳnh Thị Cẩm L.

Về hôn nhân: ông Phạm Văn M được ly hôn với bà Huỳnh Thị Cẩm L.

Về con chung: đã trưởng thành, Tòa án không xem xét.

Ghi nhận ông M và bà L không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: ông M và bà L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông M về việc tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng đối với căn nhà và đất thuộc thửa 154 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã H, huyên C, tỉnh Bến Tre.

Về nợ chung: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ chung của ông M và bà L còn nợ Ngân hàng trong cùng vụ án ly hôn này, Tòa án không xem xét.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Phạm Văn M phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015893 ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Hoàn tạm ứng án phí số tiền 10.512.000 (mười triệu năm trăm mười hai ngàn) đồng cho ông Phạm Văn M theo biên lai thu tiền số 0015892 ngày 18/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020473 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện Châu Thành(1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thị Thanh Thuý